

THÔNG BÁO

**Xét duyệt, tổng hợp quyết toán ngân sách năm 2025
Đơn vị được thông báo: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk
Mã chương: 004**

Căn cứ Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25/12/2017 của Bộ Tài chính quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo và tổng hợp quyết toán năm;

Căn cứ Báo cáo quyết toán ngân sách năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk và Biên bản xét duyệt quyết toán NSNN năm 2025 ngày 25/4/2026 giữa Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Viện kiểm sát nhân dân tỉnh;

Viện kiểm sát nhân dân tối cao thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2025 (không bao gồm quyết toán vốn đầu tư XDCB) của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk như sau:

I. PHẦN SỐ LIỆU QUYẾT TOÁN

1. Số liệu quyết toán

a) *Thu phí, lệ phí* : Không.

b) *Quyết toán chi ngân sách thuộc Trung ương*

TT	CHỈ TIÊU	TỔNG SỐ TIỀN (đồng)
1	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang	3.000.000.000
2	Dự toán được giao trong năm	159.860.974.884
	<i>Dự toán giao đầu năm</i>	133.664.800.000
	<i>Dự toán bổ sung trong năm</i>	26.196.174.884
3	Dự toán được sử dụng trong năm	162.860.974.884
4	Kinh phí thực nhận trong năm	158.523.838.349
5	Kinh phí quyết toán	158.523.838.349
6	Kinh phí giảm trong năm	998.956.535
7	Số dư kinh phí chuyển sang năm sau	3.338.180.000
	<i>Kinh phí đã nhận</i>	
3.	<i>Dự toán còn dư ở Kho bạc</i>	3.338.180.000

(Số liệu tại Phụ lục số 01 và mẫu số 2c đính kèm)

c) *Nguồn ngân sách địa phương hỗ trợ (VKSND tối cao chỉ tổng hợp, ghi nhận số liệu quyết toán theo kết quả xét duyệt của Cơ quan tài chính tại địa phương)*



Tổng kinh phí địa phương hỗ trợ:	982.500.000	đồng
- Vốn hành chính:	982.500.000	đồng
Trong đó:		
Ngân sách cấp tỉnh:	496.500.000	đồng
Ngân sách cấp huyện/xã:	486.000.000	đồng
- Vốn Đầu tư:	0	đồng

2. Tình hình thực hiện kiến nghị của kiểm toán, thanh tra, cơ quan tài chính: Không có

3. Thuyết minh số liệu quyết toán

Đơn vị thực hiện hết các nhiệm vụ chi NSNN năm 2025, tỷ lệ số kinh phí quyết toán so với số dự toán được giao đạt 99,2%, do:

TT	Nội dung	Số tiền (đ)
1	Kinh phí năm trước chuyển sang	3.000.000.000
2	Dự toán hủy	998.956.535
	Trong đó:	
	- KP tiết kiệm 10% chi thường xuyên 7 tháng cuối năm:	993.600.000
	+ Tự chủ	696.600.000
	+ Không tự chủ	297.000.000
	- KP hủy do hết nhiệm vụ chi	5.356.535
3	Dự toán dư tại kho bạc chuyển năm sau (KP tự chủ): Kinh phí dư tiền lương và chi thường xuyên công chức nghỉ chế độ theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP.	3.338.180.000
	Trong đó:	
	- KP dư lương và CTX công chức nghỉ 178	2.725.600.000
	- KP còn nhiệm vụ chưa thực hiện	612.580.000

II. NỘI DUNG ĐỐI CHIẾU SỐ LIỆU KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

- Kết quả chênh lệch thu lớn hơn chi trong năm:	9.573.615.185	đồng
- Sử dụng kinh phí tiết kiệm của cơ quan hành chính:	9.526.718.466	đồng
Trong đó:		
Chi bổ sung thu nhập cho CC, người lao động:	4.775.481.358	đồng
Chi các khoản phúc lợi, khen thưởng:	4.751.237.108	đồng
- Trích lập các Quỹ (quỹ Dự phòng ÔĐTN):	46.896.719	đồng
- Kinh phí cải cách tiền lương:	0	đồng

(Số liệu chi tiết theo Mẫu số 2b đính kèm).

III. NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ

1. Nhận xét

- Đơn vị chuẩn bị đầy đủ các tài liệu phục vụ công tác xét duyệt quyết toán theo quy định tại Công văn số 186/VKSCT-C3 ngày 13/01/2026 của VKSND tối cao; ghi chép phản ánh đầy đủ các nhiệm vụ kinh tế phát sinh vào các tài khoản phù hợp; mở và khóa sổ kế toán; thực hiện đối chiếu số dư dự toán, kinh phí chuyển nguồn tại Kho bạc nhà nước theo quy định tại Thông tư số 18/2020/TT-BTC ngày 31/3/2020 của Bộ Tài chính; lập Báo cáo quyết toán ngân sách, Báo cáo tài chính năm theo quy định tại Thông tư số 24/2024/TT-BTC ngày 17/11/2024 của Bộ Tài chính và Thông tư số 108/2025/TT-BTC ngày 14/11/2025 của Bộ Tài chính; Chấp hành thời hạn nộp báo cáo quyết toán, báo cáo tài chính theo hướng dẫn của VKSND tối cao.

- Chấp hành phân bổ, giao dự toán; thực hiện quản lý tiền, tài sản theo quy định của pháp luật về NSNN và hướng dẫn của VKSND tối cao. Sử dụng ngân sách tiết kiệm, hiệu quả, bảo đảm thực hiện hết nhiệm vụ được giao và có tiết kiệm, chi thu nhập tăng thêm, chi phúc lợi tập thể, góp phần đảm bảo đời sống cho công chức, người lao động trong đơn vị.

- Ban hành quy chế chi tiêu nội bộ theo quy định tại Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30/5/2014 của liên bộ Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ; Quy chế quản lý và sử dụng tài sản công, quy chế thực hiện chế độ tiền thưởng theo quy định hiện hành của Nhà nước và các văn bản hướng dẫn của Ngành.

- Thực hiện chế độ quản lý, theo dõi và tính hao mòn TSCĐ theo quy định tại Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25/4/2023 của Bộ Tài chính; kiểm kê tài sản cố định cuối năm theo quy định; ghi chép, hạch toán tăng, giảm tài sản cố định kịp thời. Công khai tài sản công năm 2025 theo Thông tư số 144/2017/TT-BTC và Thông tư số 120/2025/TT-BTC của Bộ Tài chính.

- Thực hiện chế độ lập, bảo quản và lưu trữ chứng từ theo quy định của Luật Kế toán, Nghị định số 174/2016/NĐ-CP ngày 30/12/2016 của Chính phủ. Kiểm kê quỹ tiền mặt và có đầy đủ biên bản kiểm kê của 12 tháng theo quy định. Chứng từ chi thường xuyên, chi hoạt động nghiệp vụ đặc thù, thủ tục, hồ sơ thanh toán đủ điều kiện quyết toán theo quy định.

- Về thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước, thanh tra và cơ quan tài chính: Không có.

2. Kiến nghị

- Hủy số dư kinh phí chuyển nguồn sang năm 2026 (kinh phí tự chủ, loại 340-341), số tiền 2.725.600.000 đồng, vì đây là số dư tiền lương và chi thường xuyên của công chức nghỉ chế độ theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP, phải trả NSNN.

Đơn vị chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc quản lý, sử dụng kinh phí, tính chính xác, hợp pháp, đầy đủ của số liệu tại báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán và các chứng từ chi tiêu tại đơn vị; quản lý, sử dụng tài sản hiệu quả, đúng

quy định của pháp luật, của Ngành. Đồng thời chịu trách nhiệm về số liệu và kết quả thông báo quyết toán đối với các đơn vị dự toán trực thuộc./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Bộ Tài chính (để b/c);
- Kiểm toán nhà nước;
- Kho bạc nhà nước;
- Đ/c Cục trưởng Cục 3 (để b/c);
- Lưu: VT, C3 (P.QLTC);

TL. VIỆN TRƯỞNG
KT. CỤC TRƯỞNG CỤC TÀI CHÍNH *ng*
PHÓ CỤC TRƯỞNG



Đ

★ Đặng Thị Chúc

TỔNG HỢP KINH PHÍ QUYẾT TOÁN

(Kèm theo Thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2025 của Đơn vị: VKSND tỉnh Đắk Lắk)

TT	CHỈ TIÊU	TỔNG SỐ	Số xét duyệt tại Văn phòng VKSND Tỉnh	Số liệu tại VKSND khu vực
1	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang	3.000.000.000	3.000.000.000	0
2	Dự toán được giao trong năm	159.860.974.884	78.962.665.884	80.898.309.000
	<i>Dự toán giao đầu năm</i>	133.664.800.000		
	<i>Dự toán bổ sung, điều chỉnh trong năm</i>	26.196.174.884		
3	Dự toán được sử dụng trong năm	162.860.974.884	81.962.665.884	80.898.309.000
4	Kinh phí thực nhận trong năm	158.523.838.349	78.049.729.349	80.474.109.000
5	Kinh phí quyết toán	158.523.838.349	78.049.729.349	80.474.109.000
6	Kinh phí giảm trong năm	998.956.535	574.756.535	424.200.000
7	Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán	3.338.180.000	3.338.180.000	0
	<i>Kinh phí đã nhận</i>			
	<i>Dự toán còn dư ở Kho bạc</i>	3.338.180.000	3.338.180.000	

Ghi chú:

- KP giảm, nộp trả (hủy)**

 - Tự chủ* 998.956.535 Trong đó: 696.600.000 là KP 10% tiết kiệm 7 tháng cuối năm.
 - Không tự chủ* 302.356.535 Gồm: 297.000.000 Là tiết kiệm 10% 7 tháng cuối năm
 - 5.356.535 Là KP hoàn thành nv chi (chi tiết PL 02)
- Số dư DT và KP chuyển năm sau**

 - Tự chủ* 3.338.180.000
 - Không tự chủ* 3.338.180.000
 - 2.391.600.000 Dư lương 178
 - 334.000.000 Dư CTX 178
 - 612.580.000 Còn nhiệm vụ dở dang chưa thực hiện (...)
 - 0



(...)